

**GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH****Đơn vị: Khám chữa bệnh thuộc Trung tâm y tế huyện Thạch An**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 120/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: đồng

| STT | Các loại dịch vụ                                                                                                                                                                                             | Mức giá                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu                                                                                                                                                                             | 364.400                                                                     |
| 2   | Ngày giường bệnh Nội khoa:                                                                                                                                                                                   |                                                                             |
| 2.1 | Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)      | 245.000                                                                     |
| 2.2 | Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não. | 211.000                                                                     |
| 2.3 | Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                   | 169.000                                                                     |
| 3   | Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;                                                                                                                                                                           |                                                                             |
| 3.1 | Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể                                                                                                                                  | 272.200                                                                     |
| 3.2 | Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể                                                                                               | 241.300                                                                     |
| 3.3 | Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể                                                                                                                                | 202.300                                                                     |
| 4   | Ngày giường điều trị ban ngày                                                                                                                                                                                | Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng |